

Dịch giả: HÀ VĂN CẦU

Sổ tay
CÁC VI THUỐC
DÙNG TRONG Y HỌC DÂN TỘC



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

Dịch giả: HÀ VĂN CẦU

Sổ tay
CÁC VỊ THUỐC
DÙNG TRONG Y HỌC DÂN TỘC

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 1998

LỜI GIỚI THIỆU

Tập sách sau đây là bản dịch phần II trong toàn bộ tài liệu giảng dạy ở Bắc Kinh "Thực dụng Trung y học" do Y viện Trung y Bắc Kinh và trường Trung y Bắc Kinh biên soạn và ấn hành năm 1965.

Trong số khá nhiều tư liệu mà chúng tôi sưu tầm được, thì cuốn này có những ưu điểm sau:

1- Với tinh thần thực dụng, cuốn sách đề cập đến 14 mục thuốc giải quyết những bệnh thường gặp nhất như thuốc giải biểu, khu thử, khu trùng, chỉ khái, bình suyễn... bao gồm 280 vị thuốc tương đối phổ thông, dễ tìm kiếm ở Việt Nam như Bá tử nhân, Bạc hà, Bạch giới tử, Bồ công anh, Can khương, Cát căn, Chi tử, Chi thực, Đại phúc bì, Bạch Hắc sừ, Hoắc hương, Hương phụ, Ích mẫu, Kim ngân, Kinh giới, Lai bạc tử, Lệ chi hạch, Lục đậu, Phù bình, ~~T~~rang chi, Táo giác... Bên đó, có những vị thuốc đặc dụng nhưng không quá đắt như Phụ tử, Bạch truật, Phục linh, Xuyên khung, Đương qui, Thục địa, Bạch thược v.v...

Chú ý: Trong danh mục thuốc của Trung Quốc có tới trên 2000 vị, một thầy lang Việt Nam không thể nào với tới đầy đủ các vị đó được. Vì thế, với 280 vị thuốc nói trong sách này, nếu nắm bắt và điều khiển được chúng thì người lương y cũng đã giải quyết được hầu hết các loại bệnh tật mà ngành Y học dân tộc đã biết và đã có kinh nghiệm giải quyết.

2- Truyền thống chữa bệnh xưa thường qui nạp các bệnh lại các môn loại khí - huyết - đàm - uất. Các nhà y học Việt Nam xưa từ thời Trần trở lại đây như Tuệ Tĩnh, Nguyễn Đại Nãi, Hoàng Đôn Hoà, Lê Hữu Trác... đều nhấn mạnh ở nước ta, vùng gần biển, còn có một bệnh rất phổ biến đó là **bệnh thấp** thì ở sách này, các tác giả đã biên soạn thật kỹ về các loại thuốc chữa phong thấp, thấp nhiệt, táo thấp... thêm vào đấy, ngoài việc nhấn mạnh vai trò tri liệu lâm sàng của từng vị thuốc các tác giả còn cung cấp những thành tựu nghiên cứu khoa học hiện đại làm tài liệu tham khảo cho người đọc. Ví dụ khi nói về khổ sâm, các tác giả viết: "Hữu Sâm chỉ danh, vô Sâm chỉ thực" (Có tên là Sâm nhưng không có thực chất của Sâm) để cắt nghĩa tính lạnh của nó và vì vậy nó không nằm trong thập bát phân, xem phần: Cấm kỵ). Hoặc như vị Khương hoạt, các tác giả so sánh: Phòng phong, Khương hoạt đều là yếu được trị phong nhưng Phòng phong hoãn, Khương hoạt mạnh. Lại so sánh Khương hoạt với Độc hoạt: Khương hoạt tính mãnh liệt, thiên về chữa phong thấp ở thượng bộ (...). Độc hoạt tính hòa hoãn, thuộc về trị phong thấp ở hạ bộ...

Bằng phương pháp đối sánh hết sức chi tiết, chúng ta thấy hai, ba, hoặc hơn nữa, vị thuốc cùng giải trừ một nguyên nhân bệnh chung nhưng mỗi vị lại có thể mạnh riêng, do đó, khi đã xác định đúng bệnh thì không cần phải sử dụng quá nhiều vị. Ví dụ: cùng là thuốc phát tán phong hàn, Kinh giới và Tô diệp đều có thể phát hàn giải biểu, nhưng Tô diệp thì sức tán hàn mạnh, Kinh giới sức Khu phòng trội hơn. Tô diệp thiên nhập khí phân, còn Kinh giới thiên nhập huyết phân (...). Phòng phong ấm hơn Kinh giới lại có thể thăng thấp, có thể chữa phong thấp tứ thống (...) Đồng dụng với Hoàng kỳ lại có thể chỉ hãn.

4- Tác dụng và giá trị

Ngay trong một cây thuốc như Kinh giới hoặc Từ tô, tác giả cũng so sánh công dụng của các bộ phận cây thuốc, khi dùng sống và khi sao tẩm. Ví dụ:

- Giới tuệ (hoa kinh giới) phượng hương, khí mãnh, công dụng mạnh hơn so với Kinh giới. Không mờ hôi dùng sống, có mờ hôi dùng sao, cầm chỉ huyết thì sao than.

- Trong thang lý khí thường dùng Tô diệp (lá tía tô).

- Tô ngạnh (cành tía tô) có công dụng thuận khí an thai, chủ trị hung muộn đau cùng xương ức, bụng đầy, lợm nôn, thai động.

- Tô tử (hạt tía tô) có công dụng hạ khí khai uất, khu đàm định suyễn, chủ trị đàm ẩm, khái thấu kiêm tiện bí.

Về phân tham khảo, tác giả tập hợp các kết quả nghiên cứu và các kết luận đã được công bố, đưa vào phần cuối của từng vị thuốc (nếu đã được phổ biến).

Ngoài ra, tác giả còn căn dặn người dùng phải cẩn thận khi vị thuốc có thể có tác dụng không tốt. Ví dụ ở vị Hoàng liên - Hoàng liên dùng lượng nhỏ, có công dụng kiện vị, xúc tiến tiêu hóa. Nếu uống quá liều thì khổ hàn bại Vị, sẽ làm cho tiêu hóa không tốt. Đồng thời, thuốc này tính thiên về táo, dùng nhiều dễ tổn thương tân dịch, nếu gặp người hỏa thịnh tân thương thì nên đồng dụng với thuốc dưỡng âm.

NGƯỜI DỊCH

MỤC LỤC

<u>Lời giới thiệu</u>	3
Tính năng dược vật	7
Phép dùng trung dược	17
Thuốc thường dùng trong lâm sàng	23
Thuốc giải biểu	23
Thuốc phát tán phong hàn	27
Thuốc phát tán phong nhiệt	41
Thuốc phát tán phong thấp	55
Thuốc khu thử	67
Thuốc khu trùng	86
Thuốc khu hàn	91
Thuốc thanh nhiệt	104
Thuốc thanh nhiệt tả hỏa	106
Thuốc thanh nhiệt táo thấp	118
Thanh nhiệt giải độc	127

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

* *

*

**SỔ TAY CÁC VỊ THUỐC
DÙNG TRONG Y HỌC DÂN TỘC**

Chịu trách nhiệm xuất bản.

BS NGUYỄN VĂN CÙ

Biên tập: HOÀNG ĐỨC MINH

Sửa bản in: ĐỨC HOÀNG

Trình bày bìa: ĐỨC HUY

In 800 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp in Á Phi. Giấy
chấp nhận kế hoạch xuất bản số: 751/CXB cấp ngày 13/9/97.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/1998.

